

KHOA GIÁO DỤC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2015

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN GIÁO DỤC HỌC
CHUYÊN NGÀNH TÂM LÝ GIÁO DỤC, ÁP DỤNG CHO KHOÁ ĐÀO TẠO
TỪ NĂM 2014**

(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu

Đào tạo cử nhân Giáo dục ngành Tâm lý giáo dục có mục tiêu chung là trang bị kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn nói chung cũng như kiến thức nền tảng của khoa học giáo dục riêng và đặc biệt là kiến thức chuyên ngành Tâm lý giáo dục. Sinh viên được trao dồi về các phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cũng như kỹ năng xã hội như giao tiếp, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ. Về năng lực, sinh viên được rèn luyện các năng lực ứng dụng trong thực tiễn xã hội và nghề nghiệp như nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý và quản lý tại các trường học, các trung tâm, hoặc làm việc tại các cơ quan, đoàn thể xã hội. Ngoài ra, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học tiếp ở các bậc học cao hơn trong cùng lĩnh vực khoa học.

1.2. Chuẩn đầu ra:

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn

1.1.1. Hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;

1.1.2. Hiểu được kiến thức chung về các lĩnh vực tự nhiên, xã hội, văn hóa, kinh tế, lịch sử... để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý con người;

1.1.3. Vận dụng các kiến thức cốt lõi về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn để nghiên cứu chuyên ngành Tâm lý giáo dục.

1.2. Kiến thức nền tảng của khoa học giáo dục

1.2.1. Hiểu được thống tri thức nền tảng về những vấn đề chung của giáo dục và Giáo dục học, làm cơ sở khoa học chung nghiên cứu chuyên ngành Tâm lý giáo dục;

1.2.2. Hiểu được kiến thức về cơ sở sinh học, cơ sở xã hội của tâm lý người; bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý cá nhân và xã hội; sự phát triển tâm lý, nhân

cách con người.

1.3. Kiến thức chuyên ngành Tâm lý giáo dục

1.3.1. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực nghiên cứu: phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; phương pháp nghiên cứu và đánh giá tâm lý con người.

1.3.2. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực giảng dạy: các cơ sở của việc học tập và giảng dạy; cơ sở khoa học của hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục cũng như những đặc trưng tâm lý của lao động sư phạm.

1.3.3. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực tham vấn tâm lý: các kiến thức về lĩnh vực Tâm lý học lâm sàng và Tâm lý học tham vấn.

1.3.4. Hiểu và vận dụng kiến thức vào lĩnh vực quản lý giáo dục: các hiện tượng tâm lý trong công tác quản lý, lãnh đạo; những kiến thức cơ bản nhất về nhà trường và quản lý nhà trường; kiến thức về tổ chức lao động và quản lý nhân sự trong cơ quan, trường học.

2. Chuẩn đầu ra về phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

2.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

2.1.1. Có tinh thần vì cộng đồng, trách nhiệm đối với lợi ích của xã hội;

2.1.2. Tôn trọng và yêu thương con người;

2.1.3. Có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn về chuyên ngành Tâm lý giáo dục cũng như rèn luyện tinh thần tự học, làm chủ bản thân.

2.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

2.2.1. Có lòng yêu thích, coi trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị nghề nghiệp;

2.2.2. Say mê nghiên cứu, chủ động, tích cực đối với việc rèn luyện các phẩm chất của người nghiên cứu Tâm lý giáo dục;

2.2.3. Các phẩm chất nghề nghiệp quan trọng của người cán bộ giảng dạy: thái độ tích cực đối với lao động sư phạm, hứng thú và tình yêu đối với nghề sư phạm;

2.2.4. Tôn trọng và yêu thương con người, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp tham vấn tâm lý (giữ bí mật, vì lợi ích của khách hàng, trung thực, chân thành, lạc quan và tin tưởng khách hàng);

2.2.4. Có lòng say mê làm quản lý, trách nhiệm trong nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách.

2.3. Kỹ năng cá nhân

2.3.1. Kỹ năng tự học, tự hoàn thiện nhân cách nghề nghiệp

2.3.2. Kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề

2.3.3. Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc

2.3.4. Kỹ năng quản lý thời gian

2.3.4. Kỹ năng thuyết trình và nói chuyện trước công chúng

2.4. Kỹ năng nghề nghiệp

2.4.1. Nghiên cứu Tâm lý giáo dục: kỹ năng thiết kế đề cương nghiên cứu; kỹ

năng xây dựng bộ công cụ nghiên cứu; kỹ năng sử dụng các phương pháp thu thập thông tin; kỹ năng lập kế hoạch thực hiện; kỹ năng đặt vấn đề, xây dựng giả thuyết; kỹ năng thu thập số liệu, xử lý thông tin; kỹ năng viết báo cáo kết quả nghiên cứu;...

2.4.2. Giảng dạy Tâm lý giáo dục: kỹ năng sử dụng, phối hợp hệ thống các phương pháp và hình thức giảng dạy, giáo dục; kỹ năng sử dụng các phương tiện hiện đại trong giảng dạy; kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm;...

2.4.3. Tham vấn tâm lý - giáo dục: kỹ năng chẩn đoán, đánh giá tâm lý người; kỹ năng tham vấn tâm lý cho cá nhân, nhóm, tham vấn trực tuyến; kỹ năng tiếp cận con người và nhận dạng các cách tiếp cận;...

2.4.4. Quản lý, lãnh đạo: kỹ năng xây dựng kế hoạch đào tạo trong nhà trường; kỹ năng thực hiện những nội dung quản lý trong tổ chức; kỹ năng tư vấn tuyển dụng nhân sự; kỹ năng tâm lý trong tổ chức lao động và quản lý nhân sự;...

3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng xã hội

3.1. Kỹ năng giao tiếp

- 2.3.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp cơ bản;
- 2.3.2. Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp với cá nhân và nhóm;
- 2.3.3. Kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông - báo chí;
- 2.3.4. Kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp;
- 2.3.5. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp thông thường và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.

3.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- 2.4.1. Kỹ năng xây dựng và vận hành nhóm làm việc;
- 2.4.2. Kỹ năng thiết lập và duy trì quan hệ với các thành viên trong nhóm làm việc;
- 2.4.3. Kỹ năng làm việc trong nhóm nhỏ và nhóm lớn.

3.3. Kỹ năng sử dụng công nghệ

- 3.2.1. Kỹ năng sử dụng tin học thông dụng trong công việc;
- 3.2.2. Kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học để ứng dụng trong lĩnh vực Tâm lý giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra về năng lực ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp và xã hội

4.1. Năng lực nghiên cứu

- 4.1.1. Năng lực thiết kế nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;
- 4.1.2. Năng lực triển khai nghiên cứu lĩnh vực Tâm lý giáo dục;
- 4.1.3. Năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu Tâm lý giáo dục trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

4.2. Năng lực giảng dạy

- 4.2.1. Có năng lực sư phạm: sự khéo léo sư phạm trong hình thức và phương pháp, kỹ năng nghề nghiệp dạy học và giáo dục;

4.2.2. Có khả năng vạch ra trước tương lai cho sự phát triển của cá nhân và tập thể;

4.2.3. Có khả năng ảnh hưởng đến nhân cách người khác.

4.3. Năng lực tham vấn tâm lí

4.3.1. Năng lực thông thạo nghề nghiệp tham vấn về chuyên môn và kĩ năng tham vấn tâm lí;

4.3.2. Năng lực nhận dạng và vận dụng các lí thuyết tiếp cận trong tham vấn tâm lí;

4.3.3. Năng lực ứng dụng tri thức, thành quả nghiên cứu với mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, phục vụ cho lợi ích của xã hội.

4.4. Năng lực quản lí

4.4.1. Khả năng thành thạo, am hiểu sâu sắc về tâm lí người lãnh đạo, người lao động và tổ chức;

4.4.2. Năng lực xác định mục tiêu và định hướng hoạt động của tổ chức;

4.4.3. Năng lực cơ bản như: trí tuệ, tổ chức, chuyên môn và giao tiếp.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm đến 6 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 146 tín chỉ (chưa kể Giáo Dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) mới được xét tốt nghiệp.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh đã TN Phổ Thông Trung Học

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Đào tạo theo quy trình đào tạo đại học chính quy tập trung

Đào tạo theo tín chỉ, sinh viên được xét tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình.

6. THANG ĐIỂM:

Thang điểm trên 10, làm tròn đến 0,5.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Khối Kiến Thức Đại Cương

I. Khối Kiến Thức Đại Cương				Ghi chú
1. Khối kiến thức bắt buộc (39 TC)				
STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Chuyên Ngành TLGD	
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	DAI012	2	KH 1, ĐỢT 1

2.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	DAI003	3	HK 4, ĐỢT 2
3.	Lịch sử văn minh thế giới	DAI016	3	HK1, ĐỢT 2
4.	Đại cương khoa học nhận thức		3	HK1, ĐỢT 2
5.	Phương pháp học đại học	DAI006	2	HK 1, ĐỢT 1
6.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	DAI001	3	KH 1, ĐỢT 1
7.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2 3	DAI002	2	HK 2, ĐỢT 1
8.	Tư duy hiệu quả		2	HK 2, ĐỢT 2
9.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DAI004	2	HK 4, ĐỢT 1
10.	Xã hội học đại cương	DAI021	2	HK 2, ĐỢT 1
11.	Pháp luật đại cương	DAI024	2	
12.	Tin học đại cương		3 (SV tự tích lũy)	X
13.	Ngoại ngữ		10 (SV tự tích lũy)	X
Tổng:			39	
1. Khối kiến thức Tự Chọn (6 - 8 TC)				
1.	Logic học đại cương	DAI020	2	
2.	Phương pháp luận sáng tạo		2	HK 3, ĐỢT 1
3.	Quản trị học căn bản	QT01		Khoa Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Luật
4.	Đạo đức học		2	HK 4, ĐỢT 2
5.	Triết học đại cương		3	HK 1, ĐỢT 2
6.	Kinh tế học đại cương	DAI026	2	
7.	Thực hành văn bản Tiếng Việt	DAI015	2	
8.	Tôn giáo học đại cương	DAI029	2	
9.	Mỹ học đại cương	DAI025	2	
10.	Môi trường và phát triển	DAI006	2	
11.	Nhân học đại cương	DAI023	2	
12.	Tiến trình lịch sử Việt Nam	DAI017	3	

13.	Chính trị học đại cương	DAI028	2	
-----	-------------------------	--------	---	--

7.2. Khối Kiến thức cơ sở ngành

Các môn học bắt buộc (48 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	
2.	Tham quan thực tế		2	Môn mới – 60 tiết
3.	Lý luận dạy học	GDH019	3	
4.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	
5.	Phương pháp NCKH giáo dục		3	60 tiết
6.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	
7.	Tâm lý học đại cương		3	60 tiết
8.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục		3	Đổi từ môn LGD-LLĐ Thêm 2 nd mới: (1) Điều lệ trường học và (2) Luật Giáo dục đại học
9.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	
10.	Tâm lý học phát triển	TLH028	3	
11.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	
12.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	60 tiết
13.	Tiếng Anh cơ sở ngành 1		3	Môn mới: 75 tiết
14.	Tiếng Anh cơ sở ngành 2		3	Môn mới: 75 tiết

15.	Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD	DAI045	3	Môn mới
16.	Lịch sử tâm lý học	TLH007	3	
Tổng			48	

Các môn học tự chọn (tích lũy tối thiểu 09 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	
2	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	
3	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	
4	Giáo dục gia đình	GDH009	2	
5	Giáo dục suốt đời	GDH012	2	
6	Lịch Sử Giáo dục		3	Ghép lại từ môn LSGD VN và LSGD TG
7	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	
8	Lý thuyết học tập		2	Môn mới
9	Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ		2	Bộ môn Lưu trữ học- Quản Trị văn phòng, HCMUSSH.

7.3. Khối Kiến thức Chuyên ngành

Các môn học bắt buộc (33 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Khoa học chẩn đoán tâm lý	TLH003	3	
2.	Tâm bệnh học	TLH013	3	

3.	Tâm lý học giao tiếp	TLH015	3	Đổi tên môn học
4.	Kiến tập nghề nghiệp		3	Môn mới bổ sung:90 tiết
5.	Tâm lý học nhân cách	TLH025	3	
6.	Tâm lý học quản lý	TLH029	3	
7.	Tâm lý học sư phạm		3	
8.	Tâm lý và giáo dục giới tính	GDH033	3	
9.	Tham vấn tâm lý 1		3	
10.	Tiếng Anh chuyên ngành 1		2	Môn mới: 60 tiết
11.	Tiếng Anh chuyên ngành 2		2	Môn mới: 60 tiết
12.	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	150 tiết
Tổng			33	

Các môn học tự chọn (SV tích lũy tối thiểu 12 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Công tác Đoàn – Đội	GDH002	2	45 tiết
2.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học		4	Khoa Tâm lý học - HCMUSSH
3.	Tâm lý học gia đình		3	Khoa Tâm lý học- HCMUSSH
4.	Tâm lý học nhận thức		3	Khoa Tâm lý học- HCMUSSH
5.	Công tác xã hội	GDH003	2	
6.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006	2	Khoa Công tác xã hội

7.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009	2	Khoa Công tác xã hội
8.	Giáo dục đặc biệt		3	Điều chỉnh, kết hợp từ 2 môn <i>TLH trẻ khuyết tật</i> và <i>GD trẻ khuyết tật</i>
9.	Khoá luận tốt nghiệp (hoặc học bổ túc 10 TC môn tự chọn chuyên ngành)		10	
10	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng	CXH043	3	Khoa Công tác xã hội, HCMUSSH
11	Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test	TLH008	3	Khoa Tâm lý học, HCMUS SH
12	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	
13	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	
14	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	
15	Tâm lý học truyền thông		3	Khoa Tâm lý học, HCMUSSH
16	Tâm lý học lao động		3	Môn mới
17	Tâm lý nhân sự	TLH035	3	Khoa Tâm lý học, HCMUSSH
18	Tham vấn học đường		3	Môn mới
19	Tham vấn hướng nghiệp		2	Môn mới
20	Tham vấn tâm lý 2		3	
21	Trắc nghiệm khách quan	GDH039	2	
22	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Khối kiến thức bắt buộc :

Cơ sở ngành (45 TC)

Chuyên ngành (36 TC)

Khối kiến thức tự chọn:

Cơ sở ngành (tối thiểu 9 TC)

Chuyên ngành (tối thiểu 12 TC)

Học Kỳ	STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Chuyên Ngành TLGD	Ghi chú (1 tín chỉ lý thuyết =15 tiết; 1 thực hành = 30 tiết)
HỌC KỲ 1	1.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	Bắt buộc	
	2.	Tâm lí học đại cương		3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	3.	Khoa học nhận thức		3	Bắt buộc	Đợt 2
	4.	Phương pháp học đại học		2	Bắt buộc	1 LT + 1 TH
HỌC KỲ 2	1.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	Bắt buộc	
	2.	Lý luận dạy học	GDH019	3	Bắt buộc	
	3.	Tư duy hiệu quả		2	Bắt buộc	Đợt 2
	4.	Lý thuyết học tập		2	Tự chọn	Đợt 1
HỌC KỲ 3	1.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	Bắt buộc	
	2.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	3.	Lịch sử tâm lí học	TLH007	3	Bắt buộc	
	4.	Tiếng anh cơ sở ngành 1		3	Bắt buộc	1 LT + 2 TH
	5.	Phương pháp luận sáng tạo	GDH024	2	Tự chọn	
HỌC KỲ 4	1.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục		3	Bắt buộc	
	2.	Tâm lí học phát triển	TLH028	3	Bắt buộc	
	3.	Xử lí dữ liệu nghiên cứu trong KHGD		3	Bắt buộc	Thay môn: SPSS
	4.	Phương pháp NCKH giáo dục		3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH

	5.	Lịch Sử Giáo dục		3	Tự chọn	
	6.	Tiếng anh cơ sở ngành 2		3	Bắt buộc	1 LT + 2 TH
	7.	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	Tự chọn	Đợt 2
	8.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	Bắt buộc	Đợt 2
HỌC KỲ 5	1.	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	Tự chọn	
	2.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	Bắt buộc	
	3.	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	Tự chọn	Đợt 2
	4.	Giáo dục gia đình	GDH009	2	Tự chọn	
	5.	Công tác Đoàn - Đội	GDH002	2	Tự chọn	1 LT + 1TH, Đợt 2
	6.	Kiến tập nghề nghiệp		3	Bắt buộc	3 TH - ĐỢT 2
	7.	Tiếng anh chuyên ngành 1		2	Bắt buộc	2 TH
	8.	Tâm lý học nhân cách		3	Bắt buộc	
HỌC KÌ 6	1.	Khoa học chẩn đoán tâm lý	TLH	3	Bắt buộc	
	2.	Tâm bệnh học	TLH	3	Bắt buộc	
	3.	Tâm lý học quản lý	TLH029	3	Bắt buộc	
	4.	Tham vấn tâm lý 1		3	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học giao tiếp	TLH015	3	Bắt buộc	
	6.	Tâm lý và giáo dục giới tính	GDH033	3	Bắt buộc	
	7.	Tiếng anh chuyên ngành 2		2	Bắt buộc	2 TH
	8.	Giáo dục đặc biệt		3	Tự chọn	
	9.	Giáo dục suốt đời	GDH012	2	Tự chọn	

	10	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học bổ túc			Tự chọn	
HỌC KÌ 7	1.	Tâm lý học sư phạm		3	Bắt buộc	Đợt 2
	2.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	Tự chọn	Đợt 2
	3.	Tham vấn học đường		3	Tự chọn	
	4.	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	Tự chọn	
	5.	Tham vấn tâm lí 2		3	Tự chọn	
	6.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006		Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
HỌC KÌ 8	1.	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	Bắt buộc	5 TH =150 tiết
	2.	Giáo dục so sánh		3	Tự chọn	
HỌC KÌ HÈ	1.	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	Tự chọn	HK HÈ sau học kì 2
	2.	Công tác xã hội	GDH003	2	Tự chọn	HK HÈ sau học kì 2
	3.	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 2
	4.	Trắc nghiệm khách quan	GDH039	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4
	5.	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4
	6.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4
	7.	Tâm lý học nhận thức		3	Tự chọn	HK Hè sau học kì 6
	8.	Tâm lý học lao động		3	Tự chọn	HK Hè sau học kì 6
	9.	Tâm lí học truyền thông		3	Tự chọn	HK Hè sau học kì 6
(Sinh viên tự đăng kí học tại các khoa và các học kì gợi ý trong cột ghi chú, cột học kì)						
HỌC KÌ	STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Chuyên Ngành QLGD	Ghi chú

HỌC KÌ 4	1	Ứng dụng công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ			Tự chọn	BM Lưu trữ học - QT văn phòng.
HỌC KÌ 5 HOẶC 6	1.	Tâm lý nhân sự	TLH035	3	Tự chọn	Khoa Tâm lý học
	2.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009	2	Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
	3.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu Tâm lý học		4	Tự chọn	Khoa Tâm lý học - HCMUSSH
	4.	Tâm lý học gia đình		3	Tự chọn	Khoa Tâm lý học- HCMUSSH
HỌC KÌ 7 HOẶC 8	1.	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng	CXH043	3	Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
	2.	Tâm lý học lao động		3	Tự chọn	Khoa Tâm lý học- HCMUSSH
	3.	Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test	TLH008	3	Tự chọn	Khoa Tâm lý học

9. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC HỌC

PHÂN:

9.1 Tâm Lý Học Đại cương :

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải học qua môn Triết học và Sinh lý học thần kinh.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hiểu rõ kiến thức về sinh lý học thần kinh cấp cao của con người, kiến thức về cuộc sống xã hội phong phú, có kỹ năng quan sát cử chỉ, hành vi của mọi người xung quanh trong cuộc sống hàng ngày.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tâm lý học nói chung.

- Vài nét về lịch sử hình thành tâm lý học.
- Bản chất của hiện tượng tâm lý người.
- Những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách.

9.2 Sinh lí học thần kinh :

9.3 Lý thuyết học tập :

Điều kiện tiên quyết:

Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Trong môn học này, học viên cùng khám phá các tiếp cận lý thuyết khác về học tập, nhận thức và sự phát triển nhận thức. Một lý thuyết đơn lẻ không thể phản ánh được tất cả các khía cạnh khác nhau về học tập và nhận thức của con người. Từ cách xem xét các lý thuyết khác nhau, học viên có thể xác định các nguyên lý, cách tiếp cận, và công cụ để hiểu về học tập và giảng dạy trong các bối cảnh đa dạng.

9.4 Giáo dục học đại cương:

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tâm lý học Đại cương và Triết học

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; những vấn đề lý luận về triết lý, nguyên lý giáo dục, mục tiêu giáo dục; quan điểm, chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9.5 Lý luận dạy học:

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Tâm lý học đại cương.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: làm việc nhóm, thuyết trình

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học bao gồm những nội dung về quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học.

9.6 Lý luận Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương và Lý luận dạy học.

Mô tả vắn tắt nội dung của môn học:

- Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản về bản chất, cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc, các nhiệm vụ và nội dung của quá trình giáo dục với tư cách là quá trình được tổ chức có mục đích nhằm vào hình thành những giá trị xã hội và phẩm chất nhân cách cho người được giáo dục. Đồng thời, người học cũng sẽ được trang bị những kiến thức về phương pháp giáo dục.

9.7 Thống kê ứng dụng trong giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Có kiến thức căn bản về toán học phổ thông và phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tính toán, làm việc nhóm.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học bao gồm những nội dung về khái niệm căn bản trong nghiên cứu và thống kê; thu thập dữ liệu thống kê; tóm tắt và trình bày dữ liệu; các số thống kê thông dụng; các hệ số tương quan; hồi qui tuyến tính; kiểm định về tham số tổng thể; phân tích phương sai một yếu tố và kiểm định chi bình phương.

9.8 Tâm lý học xã hội

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: sinh viên đã học môn Tâm lý học đại cương.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:
 - + Sinh viên phải có kiến thức về các hiện tượng tâm lý người.
 - + Sinh viên phải có kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp những kiến thức về các hiện tượng tâm lý - xã hội nảy sinh trong một nhóm người, tập thể, cộng đồng (xung đột, tương hợp, không

khí tâm lí, tin đồn, dư luận xã hội, truyền thông,...) và các quy luật tương tác, ảnh hưởng qua lại đa dạng giữa người với người, giữa các nhóm người cùng với những yếu tố khách quan, chủ quan tạo nên sự đa dạng trong quan hệ.

9.9 Tiếng anh cơ sở ngành 1

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Tổng quát Cấp độ A1.2
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại đơn/tiếp diễn, quá khứ đơn/tiếp diễn, và tương lai đơn/tiếp diễn, mẫu câu đơn, nouns, adjectives, verbs, và kiến thức từ vựng về cuộc sống hằng ngày; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về cuộc sống hằng ngày, có sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết các chủ đề đơn giản về giáo dục và dịch các tài liệu liên quan. Chương 1: Parental education. Chương 2: School life. Chương 3: School choice. Chương 4: Classrooms. Chương 5: Teaching and learning processes. Chương 6: Educational achievements.

9.10 Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải học qua môn Giáo dục học đại cương, Pháp luật đại cương, Tâm lý lứa tuổi.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên có hiểu biết chung về hoạt động giáo dục, khoa học giáo dục; những kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung, hiểu biết về đặc điểm tâm lý của con người qua các giai đoạn lứa tuổi; giải quyết các tình huống thông thường trong lĩnh vực pháp luật nói chung.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học hướng tới nghiên cứu những nội dung: Học phần này được thiết kế cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và khá toàn diện về những

cơ sở pháp lý mang tính chỉ đạo và định hướng quá trình thực hiện những hoạt động giáo dục, hoạt động của nhà trường và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay. Cụ thể, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên nội dung cơ bản của các văn bản luật và dưới luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo dục như: Luật Giáo Dục Việt Nam, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ nhà trường các cấp. Bên cạnh đó, môn học này sẽ giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về những quy định chung (điều, khoản) về lao động trong nền kinh tế thị trường: hợp đồng lao động, quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, kỷ luật lao động, bảo hiểm xã hội, giải quyết tranh chấp lao động, tiền lương được thể hiện trong Luật Lao Động.

9.11 Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, xác suất thống kê trong giáo dục, tin học cơ bản. Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tính toán, làm việc nhóm.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học gồm 5 chương giới thiệu cho sinh viên những kiến thức tổng quát về SPSS, hình thành kỹ năng khai báo biến, nhập liệu, xử lý dữ liệu theo yêu cầu nghiên cứu (mô tả dữ liệu, kiểm định mối liên hệ giữa các biến).

9.12 Phương pháp NCKH giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học, Thống kê trong giáo dục, Tin học ứng dụng (học song song).

Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tin học cơ bản.

- Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Giới thiệu khái quát về các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và quy trình thực hiện các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Hình thành kỹ năng nghiên cứu cơ bản trong một đề tài khoa học giáo dục cụ thể.

9.13 Lịch Sử Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức của các môn học: Giáo dục học đại cương, Lý luận luận giáo dục, Lý luận dạy học, Lịch sử văn minh
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng thu thập tài liệu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học

- Học phần này được thiết kế cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và toàn diện về quá trình hình thành và phát triển của nền giáo dục thế giới và Việt Nam theo phân kì lịch sử. Giúp sinh viên nhận diện và phân tích được những đặc điểm tiêu biểu của giáo dục và những tư tưởng giáo dục tiêu biểu qua các thời kì lịch sử. Từ đó vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm lịch sử để nhìn nhận, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề của giáo dục hiện tại.

9.14 Phương pháp luận sáng tạo

9.15 Tiếng anh cơ sở ngành 2

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành tiếng Chuyên ngành Giáo dục 1
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại tiếp diễn/hoàn thành, quá khứ tiếp diễn/hoàn thành, và tương lai tiếp diễn/hoàn thành, verbs, gerunds, infinitives, prepositions, adverbs, mẫu câu kép, và kiến thức từ vựng về đời các chủ đề trong Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 1; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về đời sống học đường có sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết các chủ đề tương đối phức tạp và dịch các chủ đề liên quan. Chương 1: Development psychology. Chương 2: Special education. Chương 3: Financing education. Chương 4: School management. Chương 5: Human resources management in education. Chương 6: Education policy

9.16 Giáo dục dân số môi trường

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung của môn học:

- Qua môn học này, có thể phát triển ở sinh viên kỹ năng sử dụng các tư liệu về giáo dục dân số, giáo dục môi trường và áp dụng các phương pháp tuyên truyền, giáo dục dân số, môi trường trong cộng đồng. Hiểu được những đặc điểm cơ bản về dân số như : định nghĩa, thành tố, quy trình và kết cấu dân số đối với Việt Nam, khu vực và thế giới. Các hiểu biết cơ bản về hệ thống những vấn đề liên quan tới môi trường và bảo vệ gìn giữ môi trường. Nắm được thực trạng và mối quan hệ giữa dân số, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

9.17 Tâm lí học lệch chuẩn

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học nhân cách

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn Tâm lý học lệch chuẩn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những bất thường trong hành vi con người dưới góc độ tâm lý học, từ đó giúp sinh viên xây dựng cái nhìn nhân văn, đa chiều về hành vi và tâm lý người, hỗ trợ cho thực tế công việc sau này.

9.18 Tâm lý học nhân cách

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: sinh viên đã học môn Tâm lý học đại cương, Lịch sử Tâm lý học.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:

Sinh viên phải có kiến thức về các hiện tượng tâm lý người, các quan điểm về Tâm lý học hiện đại.

Sinh viên phải có kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý người theo các quan điểm khác nhau.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp những kiến thức về vấn đề nhân cách (bản chất, cấu trúc,

những thuộc tính điển hình, sự hình thành và phát triển nhân cách,...); các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu nhân cách theo những quan điểm khác nhau. Từ đó, sinh viên có cách nhìn nhận khoa học về vấn đề nhân cách, góp phần vào việc hình thành và phát triển nhân cách cho con người.

9.19 Lịch sử tâm lý học

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đã học xong Triết học, Tâm lý học đại cương và các môn cơ sở ngành
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng : Kỹ năng phân tích, so sánh, khái quát hóa, kỹ năng minh họa và Kỹ năng tranh biện

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu những tư tưởng tâm lý học triết học thời cổ đại, tâm lý học tiền khoa học thời Phục hưng và các trường phái tâm lý học hiện đại qua các thời kỳ. Tâm lý học ra đời với tư cách là một ngành khoa học độc lập với mốc sự kiện 1879. Sự ra đời, thăng trầm của các trường phái: Tâm lý học chức năng, Phân tâm học, Tâm lý học hành vi, Tâm lý học Nhận thức, Tâm lý học nhân văn, Tâm lý học hiện sinh, Tâm lý học Gestalt, Tâm lý học hoạt động. Sự hình thành và phát triển Tâm lý học Việt Nam.

9.20 Tâm lý học thần kinh

9.21 Giáo dục gia đình

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn Giáo dục gia đình gồm phần dẫn nhập và 4 chương. Phần dẫn nhập giới thiệu lịch sử, nguồn gốc của giáo dục gia đình, khái niệm gia đình, các loại hình gia đình, và phương pháp nghiên cứu giáo dục gia đình. Chương 1 và 2 trình bày về giáo dục trong gia đình: phong cách giáo dục, các tác nhân chính trong giáo dục, tương quan trong gia đình, quan hệ giữa gia đình và xã hội. Chương 3 đề cập đến những bất ổn trong hoạt động giáo dục của cha mẹ và trẻ bị ngược đãi. Chương 4 tập trung nghiên cứu về giáo dục gia đình

ở VN: giáo dục gia đình từ truyền thống đến hiện đại và những thách thức hiện nay của cha mẹ trong chức năng giáo dục.

9.22 Công tác đoàn – đội

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học xong các học phần Triết học; Tâm lí học đại cương; Giáo dục học đại cương; Lí luận giáo dục.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Phần 1. Lí luận và nghiệp vụ công tác Đoàn - Đội.
- Phần 2. Một số kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn - Đội.
- Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lí luận và nghiệp vụ công tác Đoàn - Đội. Định hướng được công tác Đoàn - Đội trong các đơn vị, nhà trường phổ thông hiện nay. Sinh viên có kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hoạt động Đoàn - Đội trong các đơn vị, nhà trường phổ thông hiện nay. Từ đó, sinh viên chủ động, tích cực và tự giác trong học tập và rèn luyện.

9.23 Kiến tập nghề nghiệp

Điều kiện tiên quyết :

- Sinh viên đã có kiến thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục, giáo dục học đại cương và đại cương khoa học quản lý, lãnh đạo và quản lý giáo dục, quản lý trường học.

Mục tiêu:

- Trên cơ sở thu thập thông tin thực tế dưới nhiều hình thức khác nhau, sv sẽ có được bức tranh chung về những thành quả và khó khăn của hoạt động giảng dạy, giáo dục và quản lý nhà trường tại cơ sở kiến tập, bước đầu hình thành cho SV những cơ sở nền tảng của tình cảm và ý thức thức nghề nghiệp.

9.24 Tiếng anh chuyên ngành 1

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 2

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, và tương lai hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, phrasal verbs, conjunctions, clauses, mẫu câu phức, và kiến thức từ vựng về các lĩnh vực học thuật đã đề cập ở Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 2; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về các lĩnh vực học thuật ở Tiếng Anh chuyên ngành Giáo dục 2 và sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết và dịch các chủ đề phức tạp trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục và quản lý giáo dục. Chương 1: Pedagogical psychology. Chương 2: Psychometrics. Chương 3: Applied statistics to education. Chương 4: Educational research methodology. Chương 5: Qualitative research in education. Chương 6: Quantitative research in education.

9.25 Giáo dục suốt đời

Điều kiện tiên quyết:

- Để học được môn này, SV phải hoàn tất môn học: Lý luận dạy học, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển, Luật giáo dục, sẽ thuận lợi nếu SV cũng hoàn tất môn chính sách chiến lược giáo dục và giáo dục so sánh
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kiến thức cơ bản về hệ thống giáo dục Việt Nam

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu, phân tích khái niệm giáo dục suốt đời và những khái niệm tương tự hoặc có liên quan, vai trò và ý nghĩa của giáo dục suốt đời trong thời đại hội nhập. Môn học cũng khái quát các loại hình và tổ chức giáo dục suốt đời ở một số nước/khu vực trên thế giới. Phần thực hành định hướng cho sinh viên biết cách phân tích, tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng và các loại hình giáo dục suốt đời ở Việt Nam, tại một địa phương cụ thể ở thành phố HCM qua các chuyến đi thực tế như tham quan các trung tâm giáo dục thường xuyên, nhà văn hóa,... đánh giá hiệu quả của những hoạt

động giáo dục suốt đời, từ đó đưa ra được các đề xuất cụ thể cho các chính sách, các chương trình vận động, quản lý giáo dục phi chính quy/giáo dục thường xuyên, các giải pháp tạo điều kiện thúc đẩy giáo dục suốt đời. Đồng thời SV cũng được cung cấp một số bài tập thực hành để rèn luyện cho các kỹ năng cần thiết cho việc tự học suốt đời như kỹ năng thông tin, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp,...

9.26 Giáo dục so sánh

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Lịch sử giáo dục, GDH đại cương, Khoa học quản lý, Lý luận giáo dục
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng thu thập tài liệu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này được thiết kế gồm 3 chương cho sinh viên năm 3 hoặc năm 4 của Khoa Giáo dục. Môn học đi sâu vào phân tích và so sánh tình hình thực tiễn giáo dục của Việt nam với các quốc gia và giữa các quốc gia trên thế giới với nhau. Mặt khác, môn học sẽ giới thiệu, phân tích những vấn đề của GDSS như là một lĩnh vực khoa học, và cung cấp các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và tiêu chí trong nghiên cứu GDSS.

9.27 Tâm lý học quản lý

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm Lý Học Đại Cương, Tâm Lý Học Xã Hội, Tâm Lý Học Giao Tiếp, Đại Cương Khoa Học Quản Lý
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Hiểu biết về các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người nói chung; các quy luật tâm lý của các nhóm xã hội, những kiến thức, kỹ năng giao tiếp giữa con người với con người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Tâm lý học quản lý.
- Vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học quản lý.

- Những đặc điểm tâm lý của người làm công tác quản lý/ lãnh đạo.
- Vấn đề giao tiếp trong quản lý.

9.28 Tâm bệnh học

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học mô tả các biểu hiện của tâm bệnh lý (bệnh tâm lý), nguyên nhân tâm bệnh và cơ chế rối loạn hoạt động tâm lý trong trạng thái bệnh lý.

9.29 Tham vấn tâm lý 1

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, tâm lý học nhân cách, tâm lý học lứa tuổi

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu và cung cấp cho sinh viên các khái niệm và lý thuyết tổng quan của hoạt động tham vấn tâm lý, các kiến thức cơ bản về các quan điểm và lịch sử phát triển của tham vấn tâm lý trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, giúp sinh viên nắm được các kiến thức về xác định mục đích, nguyên tắc, quy trình và phương pháp tiến hành tham vấn tâm lý. Về thực hành, khuyến khích sinh viên tham gia vào các tình huống giả định nhằm áp dụng các kỹ năng và kiến thức tham vấn đã học. Từ đó, giúp sinh viên nắm được những điểm trọng yếu trong lý thuyết và thực hành tham vấn tâm lý.

9.30 Tâm lý học giao tiếp

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức về tâm lý học đại cương, tâm lý học xã hội, tâm lý học lứa tuổi
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có những hiểu biết về tâm lý người, đặc trưng tâm lý của từng giai đoạn lứa tuổi của con người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử). Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử. Bản chất của giao tiếp, kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.

9.31 Công tác xã hội

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học các môn: Nhân học Đại cương, Xã hội học Đại cương, Tâm Lý Xã Hội

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu cho sinh viên về nghề Công Tác Xã Hội, lịch sử và quá trình phát triển; một số lý thuyết liên quan CTXH; định nghĩa; mục đích; triết lý, giá trị và đạo đức; chức năng; các phương pháp can thiệp đầu tiên; dụng cụ, kỹ năng làm việc trong CTXH và các lĩnh vực Công Tác Xã Hội.

9.32 Nhập môn quan hệ công chúng

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên học xong các môn đại cương và cơ sở ngành
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Có kiến thức về hoạt động của các tổ chức, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng viết

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học gồm 6 chương cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) (định nghĩa; phân biệt PR với các khái niệm liên quan như quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền; vai trò, chức năng, lịch sử phát triển của PR; yêu cầu đối với người làm PR...); các nguyên lý PR; các hoạt động PR; mối quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông... thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông, cách lập danh bạ nhà báo, tổ chức các chương trình cho báo chí, cách tổ chức họp báo, tổ chức hội nghị khách hàng, viết thông cáo báo chí và kỹ năng trình bày, thuyết trình.

9.33 Giáo dục cộng đồng

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này bao gồm những nội dung cơ bản về cộng đồng và giáo dục cộng đồng, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển cộng đồng, các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục cộng đồng, mô hình và các bước trong quy trình giáo dục cộng đồng, các kỹ năng và phương pháp để thực hiện tổ chức buổi sinh hoạt giáo dục cộng đồng.

9.34 Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên đã học các môn: Lý luận dạy học, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển, Phương pháp giảng dạy.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Tin học và kỹ năng sử dụng máy vi tính.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Phần lý thuyết, qua việc thực hiện các dự án sinh viên khám phá các khái niệm về CNTT-truyền thông, vai trò của CNTT-truyền thông trong dạy học cũng như các hình thức ứng dụng CNTT trong dạy học. Trong phần thực hành ứng dụng cụ thể, sinh viên được hướng dẫn xây dựng một bài giảng điện tử với PM Powerpoint. Ngoài ra, sinh viên còn được thực hành các phần mềm ứng dụng thiết kế trò chơi, ô chữ cho các hoạt động dạy học.

9.35 Tiếng anh chuyên ngành 2

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 3
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: tất cả các thì trong tiếng Anh, modal verbs, passive voice, reported speech, các mẫu câu phức, và kiến thức từ vựng về các lĩnh vực học thuật đã đề cập ở Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 3; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về các lĩnh vực học thuật ở Tiếng Anh chuyên ngành 3 và sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết và dịch các chủ đề rất phức tạp trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục và quản lý giáo dục. Chương 1: Personality psychology. Chương 2: School change and change leadership. Chương 3: Teacher behavior. Chương 4: Education and the labor market. Chương 5: Educational project management. Chương 6: Marketing in education.

9.36 Tâm lý học sư phạm

9.37 Giáo dục đặc biệt

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, tâm lý học phát triển

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung của khoa học giáo dục đặc biệt, các mô hình giáo dục đặc biệt, đặc điểm tâm lý cơ bản và phương pháp giáo dục trẻ thuộc các dạng khuyết tật khác nhau, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục đặc biệt. Ngoài ra học phần còn giới thiệu chương trình giáo dục hòa nhập, phương pháp giáo dục hiện đại trên thế giới vào thực tiễn giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam.

9.38 Tham vấn học đường

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học phát triển
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Kiến thức tâm lý và Kỹ năng tham vấn cơ bản

9.39 Lý luận giáo dục lại

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý, Quản lý giáo dục những kiến thức cơ bản của LLGD: về bản chất của GD và cơ sở khoa

học của nó; phân biệt được giáo dục và GDL, về nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức GDL. Từ đó, biết cách vận dụng sáng tạo trong thực tiễn GDL.

9.40 Khoa học chẩn đoán tâm lý

9.41 Tâm lý và giáo dục giới tính

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học phát triển...
- Kiến thức: Các hiện tượng tâm lý cơ bản, Các đặc điểm phát triển của con người ở các giai đoạn lứa tuổi, Sự hình thành và phát triển nhân cách, Các hiện tượng tâm lý xã hội...
- Kỹ năng: Tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp; Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng nghiên cứu khoa học căn bản...

Course Prerequisites: Students are expected to have completed

Foundation course(s)	Knowledge	Skills
----------------------	-----------	--------

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Course Overview
- Học phần Tâm lý và giáo dục giới tính gồm có 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm có 4 chương. Chương 1 đề cập tới các vấn đề chung về đời sống giới tính và tâm lý học giới tính (khái niệm tâm lý học giới tính, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các học thuyết tâm lý học giới tính...). Chương 2 nói về giới và giới tính (khái niệm giới và giới tính, sự hình thành và phát triển giới tính...). Chương 3 trình bày một số vấn đề điển hình của đời sống giới tính như hiện tượng dậy thì, tình yêu, tình dục, hôn nhân... Chương 4 là phần giáo dục giới tính (khái niệm, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp...)
- Trong phần thực hành, sinh viên sẽ làm việc theo nhóm để thực hiện các dự án, về các chủ đề có liên quan đến nội dung học tập.

9.42 Tham vấn tâm lý 2

9.43 Phương pháp giảng dạy

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học các môn tâm lý học đại cương, Lý luận DH

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp dạy học cụ thể. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học trong dạy học.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Hoàng Mai Khanh	1974	Tiến sĩ	Giáo dục gia đình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ứng dụng CNTT trong dạy học
2.	Nguyễn Thành Nhân	1975	Thạc sĩ	Giáo dục học đại cương Lý luận giáo dục Đại cương khoa học quản lý
3.	Phạm Thị Ngọc Lan	1962	Thạc sĩ	Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2
4.	Nguyễn Thị Hảo	1982	Tiến sĩ	Lí luận dạy học Thống kê ứng dụng trong giáo dục
5.	Nguyễn Hồng Phan	1975	NCS	Tâm lý học xã hội Tâm lý học nhân cách Tâm lý học phát triển Công tác đoàn đội
6.	Hà Văn Tú	1982	Thạc sĩ	Lịch sử giáo dục Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục
7.	Dương Minh Quang	1984	Tiến sĩ	Giáo dục so sánh

8.	Lê Thị Yên Di	1976	Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD
9.	Nguyễn Thị Anh Thu	1985	Thạc sĩ	Tư vấn tâm lí 1 Tư vấn tâm lí 2
10.	Bùi Chí Bình	1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2
11.	Cao Thị Châu Thủy	1977	Thạc sĩ	Lí luận dạy học
12.	Đinh Thị Thanh Ngọc	1987	Thạc sĩ	Tâm lý và giáo dục giới tính Tham vấn hướng nghiệp
13.	Nguyễn Võ Đan Thanh	1981	Thạc sĩ	Giáo dục cộng đồng Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2
14.	Lê Văn Trỗi	1981	Thạc sĩ	Lý luận giáo dục lại
15.	Nguyễn Thuý An	1987	Thạc sĩ	Lịch sử tâm lí học Tâm lí học lao động
16.	Hồ Võ Quế Chi	1987	Thạc sĩ	Tham vấn học đường

GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Lâm Hiếu Minh	1979	Thạc sĩ – Bác sĩ	Sinh lí học thần kinh
2.	Kim Thị Dung	1957	Thạc sĩ	Tâm lý học đại cương Tâm lý học quản lý
3.	Nguyễn Ánh Hồng	1959	Tiến sĩ	Tâm lý học sư phạm Phương pháp dạy học
4.	Trương Thị Tuyết Nương	1942	Tiến sĩ	Công tác xã hội

5.	Lê Tuyết Ánh	1952	Thạc sĩ	Tâm lý giao tiếp
6.	Trần Thế Hương	1957	Thạc sĩ	Phương pháp luận sáng tạo
7.	Nguyễn Thị Kim Loan	1971	Thạc sĩ	Giáo dục dân số môi trường
8.	Hồ Ngọc Đoan Khương	1977	Thạc sĩ	Nhập môn quan hệ công chúng
9.	Nguyễn Duy Mộng Hà	1971	Thạc sĩ	Giáo dục suốt đời
10	Lê Hoàng Thế Huy		Thạc sĩ	Tâm lí học lệch chuẩn
11	Phan Thiệu Xuân Giang	1972	Thạc sĩ – Bác sĩ	Tâm lí học thần kinh

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

GIÁO TRÌNH VÀ TẬP BÀI GIẢNG

ST T	Môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Tâm lý học Đại cương (General Psychology)	Tâm lý học đại cương	Khoa Tâm lý – Giáo dục trường ĐHSP Hà Nội	ĐHQG HN.	
		Tâm lý học đại cương	Trường ĐH KHXH&NV TP HCM.		
		Hành vi và hoạt động giáo dục	Phạm Minh Hạc	Hà Nội.	1989
		Các lý thuyết phát triển tâm lý người	Phan Trọng Ngọ	NXB ĐHSP	2003
		Bài tập thực hành tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	2002

		Tâm lý học trí khôn, J.PiaGet	GD Hà Nội.	1997
2	Luật Giáo dục và Luật lao động	Luật giáo dục	Chính trị Quốc gia Hà Nội	2005
		Luật Lao động	NXB Thống kê, Hà Nội	2007
		Nghị định chính phủ (qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GD)		
		Tập bài giảng về Luật GD và Luật Lao động		
3	Lý luận giáo dục	Giáo trình Giáo dục tập 2	Nxb Đại học Sư Phạm.	2006
		Lý luận giáo dục	Phan Thanh Long Nxb Đại học Sư phạm	2005
4		Tâm lí học phát triển Vũ Thị Nho	NXB ĐHQG HN	2001

	Tâm lý học phát triển	Nguyễn Văn Đồng	NXB CTQG HN	2004
	Đề cương bài giảng Tâm lý học lứa tuổi	Nguyễn Ánh Hồng (biên soạn)		2000
	Handbook of Adolescent Psychology	Adelson J, Eds	New York Wiley	1980
	Handbook of the Psychology of Aging,	Birren J. E. and Schaie K. W. Secon Edition	New York Van Nostrand Reinhold	1985
5	Lý luận dạy học	Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở phương tây	Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội	1995.
		Quan niệm và xu thế phát triển phương pháp dạy học trên thế giới	Hà Nội	2001
		Các chiến lược để dạy học có hiệu quả,	Allan C. Ornstein & Thomas J. Lasley,	Tài liệu tham khảo nội bộ.
6	Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai – vấn đề và giải pháp	Đặng Quốc Bảo (chủ biên)	NXB CTQG	2004

	Giáo dục học đại cương	Những vấn đề cơ bản của Giáo dục hiện đại	Thái Duy Tuyên	NXB GD	1998
		Nền Giáo dục cho thế kỷ 21 – những triển vọng của Châu Á Thái Bình Dương	RaJa Roy Singh	Hà Nội	1994
		Cú sốc tương lai	Alvin Toffler		
		GĐVN những thập niên đầu thế kỷ XXI, chiến lược phát triển	Đặng Bá Lãm	NXB GD	2003
		Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay....			
7			Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu giáo dục và tâm lý. Phần I: Thống kê mô tả.,	Dương Thiệu Tống, Ed.D	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

Toán thống kê trong giáo dục	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu giáo dục và tâm lý. Phần II: Thống kê suy diễn.,	Dương Thiệu Tống, Ed.D.	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ.	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	1995
	Thống kê Y học	Nghiêm Xuân Phách	NXB Y học	1995
	Fundamental Statistics For Behavioral Sciences	Robert B. McCall	NXB Marcouri Brace Jovanovich	1993
	Application for the Behavioral Sciences.,	Joseph H. Porter and Robert J. Hamm. Statistics	Brooks/Cole Publishing Company	1986.
	Elementary Statistics	Neil A. Weiss.	Addison Wesley Publishing Company	1993
8	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	Hoàng Trọng - Nguyễn Chu Mộng Ngọc	NXB Thống kê	2005
	Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for Windows	Hoàng Trọng	NXB Thống kê	2002

		Giáo trình SPSS	Đỗ Văn Thắng-Phan Thành Huân	NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2003
	Xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Dương Thiệu Tống	NXB Khoa Học Xã Hội	2005
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phương pháp nghiên cứu giáo dục học và tâm lý học	Dương Thiệu Tống	Nxb ĐHQG TP.Hồ chí Minh.	
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Khoa học & Kỹ thuật, HN	1996
		Phương pháp thiết kế và đánh giá nghiên cứu trong giáo dục	J.R. Fraenkel & N.E.Wallen	Tài liệu lưu hành nội bộ	2007
		Research Methods in Education	W.Wiersma & S.G.Jurs	NXB Pearson	2005
		Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS FOR WINDOWS	Hoàng Trọng	Nxb Thống kê	2002.
10		Tâm lý học xã hội	Lê Tuyết Ánh, Nguyễn Thanh Hằng	(tài liệu lưu hành nội bộ).	
		Tâm lý học xã hội	. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc	NXB Giáo dục,	1998

		Uyển		
	Tâm lí học xã hội (lí luận và ứng dụng)	Trần Hiệp	NXB Khoa học xã hội	1991
	Vũ Dũng - Tâm lí học xã hội	Bùi Văn Huệ (chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
	Các phương pháp của Tâm lí học xã hội	Hồ Ngọc Hải, Vũ Dũng	NXB Khoa học xã hội	1996
	Tâm lí học quản lí	Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển	NXB Giáo dục	1998
	Thực hành nghiên cứu xã hội,	L. Therese Bake	NXB Chính trị Quốc gia	1998
	Nhập môn Tâm lí học xã hội Mácxít (Đức Uy - dịch).	H. Hipsơ, M. Phorvec	NXB. Khoa học xã hội	1984
11	Những cơ sở tâm lí học thần kinh, M (tiếng Nga).	A.R. Luria		1973
	Các chức năng cấp cao của vỏ não	A.R. Luria		1969

		người M, (tiếng Nga).			
		Não người và các quá trình tâm lý, tập 1. M, 1963, tập 2. M	A.R. Luria		1970.
	Tâm lý học thần kinh	Cơ sở tâm lý học thần kinh	.A.R. Luria(Võ Thị Minh Chí, Phạm Minh Hạc và Trần Trọng Thủy dịch)	NXB Giáo dục	2003.
		Đề cương bài giảng lớp cao học tâm lí	Võ Thị Minh Chí		
		Tuyển tập Tâm lí học	Phạm Minh Hạc		
		Tâm lí học Vugótxki,	Phạm Minh Hạc		
12	Phương pháp luận sáng tạo	Giới thiệu: Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới.	Phan Dũng		2005
		Thế giới bên trong con người sáng tạo.	Phan Dũng		
		Tư duy logic, biện chứng và hệ thống.	Phan Dũng		2006

		Các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo cở bản (phần 1+2)	Phan Dũng		2007
13	Quản lý hành chính Nhà nước	Luật hành chính Việt Nam,	Phạm Hồng Thái, Đinh Văn Mậu	NXB TPHCM	
14	Lý luận giáo dục lại	Giáo dục lại trẻ em	- A.I. Cô-Trê-Tốp	NXB Maxcova	1972
		Sự sai lệch chuẩn mực xã hội,	Đức Uy (dịch)	NXB Thông tin lý luận Hà Nội.	1986
		Những khía cạnh tâm lý- xã hội về tình trạng phạm tội của người chưa thành niên,	A.I. Đôn-Gô-Va	NXB Pháp lý, Hà Nội	1987
		Bài ca sư phạm,	S.Makarenco	NXB Văn học, Hà nội.	1963
		Ngọn cờ trên đỉnh tháp	A- A.S. Makarenco	NXB TPHCM.	1985
		Muốn trẻ hư trở thành công dân tốt,.	Võ Quang Phúc	NXB GD	1991

		Phòng ngừa vi phạm pháp luật trong thanh niên,	N.i.Ne.Tróp	NXB Pháp lý	1986
15	Giáo dục gia đình	The relation of parenting style to adolescent school performance, <i>Child Development</i> , 58, 1244-1257	Dornbusch S.M., Ritter P.L., Leiderman P.H., Roberts D.F., Fraleigh M		1987
		Gia đình truyền thống và những biến thái ở Nam Bộ Việt Nam, trong R. Liljeström & Tương Lai (Chủ biên), <i>Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam</i> , quyển I, Hà Nội,.	Đỗ Thái Đồng	NXB Khoa học Xã hội	1991
		Xu hướng gia đình ngày nay, Hà Nội	Vũ Tuấn Huy (chủ biên),	NXB Khoa học Xã hội.	2004
		Gia đình, trẻ em và sự kế thừa các	Đặng Cảnh Khanh	NXB Lao Động – Xã Hội, Hà Nội	2003

	giá trị truyền thống.			
	<i>Les pratiques éducatives parentales et l'autonomie de l'enfant, étude comparative France-Vietnam</i> , luận án tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Giáo dục	Hoàng Mai Khanh	Đại học Paris X – Nanterre, Pháp	2005
	Trẻ em, gia đình, xã hội,	Mai Quỳnh Nam (chủ biên),	NXB Chính trị Quốc gia.	2004
	L'éducation familiale, <i>Revue française de Pédagogie</i> , N° 86, 69-101.	Pourtois J.-P., Desmet H.,		1989
	<i>Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay</i>	Trung tâm nghiên cứu khoa học về phụ nữ	Hà Nội	1991
16	Giáo dục cộng đồng – Cuốn 1+2+3 +4 : Những khái niệm giáo	Theresa V. Tungpalan	Xuất bản : Trường đại học CTXH-	1991

	Giáo dục cộng đồng	dục cùng tham gia và giáo dục giải phóng		PTCD	
		Giáo dục chủ động	Nguyễn Thị Oanh	Phòng Nghiên cứu Công tác xã hội	1994.
		Giáo dục phát triển	Nguyễn Thị Oanh	Đại học mở bán công TPHCM	1999
		Phát triển cộng đồng	Nguyễn thị Oanh	Đại học mở bán công TPHCM	2000
17	Giáo dục dân số và môi trường	Một số vấn đề cơ bản về GDDS	Nguyễn Đức Minh (Chủ biên),	Hà Nội	1987
		Giáo dục dân số, Giáo trình đào tạo thạc sỹ GDDS,	Nguyễn Văn Lê	Hà Nội	1992.
		Những cơ sở khoa học của GDDS	Trung tâm nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên về giáo dục	Hà Nội	1995
		Dân số, tài nguyên, môi trường và chất lượng cuộc sống, tập 1+2, Hà Nội 1988	Sharma R.C		
		Con người và môi trường, ,	Hoàng Hung- Nguyễn Thị Kim Loan	NXB Đại học quốc gia Tp.HCM	2005

		Dân số, định cư, môi trường	Nguyễn Đình Hòa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
		Dân số học đại cương,	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo dục	1998.
		Giáo dục môi trường,	Nguyễn Kim Hồng (chủ biên),	NXB Giáo dục,	2001
18	Lịch sử giáo dục Việt Nam	Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8 – 1945	Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên),	NXB Giáo dục, Hà Nội	1995
		Giáo dục Việt Nam thời cận đại,	Phan Trọng Báu,	NXB Giáo dục, Hà Nội,.	2006
		Giáo dục Việt Nam 1945 – 2005,	Hội khoa học kinh tế Việt Nam,	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội,	2005.
		Hỏi đáp giáo dục Việt Nam,	Lê Minh Quốc	NXB Trẻ, Tp.HCM,	2001
		Sự phát triển của giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến, ,	Nguyễn Tiến Cường,	NXB Giáo dục,	1998
		Những nhà giáo tiêu biểu trong lịch sử,	Nguyễn Xuân	NXB Thanh Hóa,	2006.
		Giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI,	Nguyễn Hữu Châu	NXB Giáo dục	2007.

		Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người,	Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài,	NXB CTQG, 2003
		Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục,	Đặng Quốc Bảo	NXB Giáo dục 2008
19	Đại cương khoa học quản lý	Khoa Học Tổ Chức Quản Lý,	Nguyễn Văn Bình	Nxb. Thống kê, 1999.
		Những vấn đề cốt yếu của quản lý	Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich	Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 2004.
		Giáo Trình Khoa Học Quản Lý	Đặng Ngọc Lợi (chủ biên)	Nxb. Chính trị quốc gia 2003
		Khoa Học Quản Lý, tập 1+2	Đỗ Hoàng Toàn (Chủ biên)	Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 2000
20	Lịch sử giáo dục thế Lịch sử giáo dục thế	Lịch sử giáo dục thế giới,	Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm	NXB Giáo dục, Hà Nội. 1999
		History of education, loyola.	William T.Kane, S.J.	University Press, Chicago, Illinois 1954
		The history of education,	Merritt M.Thompson	Barnes & Noble. Inc. New York 1951

	giới	Lịch sử triết học Trung Quốc, , Lịch sử giáo dục Thế giới, Sơ lược lịch sử giáo dục,	PGS. Hà Thúc Minh Nguyễn Lâm Đào Huy Oánh	NXB TPHCM, NXB Giáo dục, Hà Nội. NXB ĐHQG TP. HCM.	1996 1958 2004
21	Tâm lý học quản lý	Tâm lý học quản lý Giáo trình Tâm lý học quản lý Tâm lý học quản lý kinh doanh Tâm lý lãnh đạo và quản lý	PTS. Phạm Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển Trường ĐH tổng hợp Hà Nội Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội Nguyễn Phúc An	Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội NXB Trẻ	1994 1994 2004
22	Tâm lý học giao tiếp - ứng xử	Nhập môn khoa học giao tiếp Tâm lý học ứng xử., NXB GD, Nghệ thuật ứng xử của người Việt, Ngôn ngữ cử chỉ – ý nghĩa của cử chỉ trong giao tiếp,	Nguyễn Văn Lê Lê Thị Bùng Phạm Minh Thảo Allan Pease.	NXB GD NXB VHTT – Hà Nội	1998 2000 1995

		Tâm lý truyền thông và giao tiếp, ,. Qui tắc giao tiếp xã hội – giao tiếp bằng ngôn ngữ	Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Văn Lê	Đại học Mở – bán công Tp.HCM NXB Trẻ	1997
23	Tâm lý học sư phạm	Tâm lí học sư phạm, Tâm lý sư phạm, Maltby, Florence.Educatioanl Psychology, an Australian and New Zealand perspective.	Lê Văn Hồng Đoàn Huy Oánh Brisbane, John Wiley,	NXB GD NXB. ĐHQG TPHCM,	2005 1995
24	Tâm Lý Trẻ Khuyết Tật	Tài liệu của viện chiến lược và chương trình giáo dục thuộc bộ GDĐT Các tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật do các nhà xuất bản biên soạn			
25		Tư vấn tâm lý gio dục nhập môn,	Lê Hồng Minh	UBDSGD & TE Tp.HCM ấn hành	2003

	Tư vấn tâm lý 1	Counseling and Psychotherapy,	Carl Rogers	NXB Houghton Mifflin Co, Boston,	1970.
26	Tâm lý và giáo dục giới tính	Tài liệu huấn luyện GV THPT – THCS – Phương pháp giảng dạy các chủ đề nhạy cảm về sức khỏe sinh sản vị thành niên,	Bộ Giáo dục và Đào tạo – UNPFA,		2000
		Giáo dục giới tính và hạnh phúc lứa đôi,		NXB Tổng hợp Hậu Giang	1989
		Tính dục phổ thông,	IV. I. KUSNIRUK – SecBakov	NXB Y Học,	1988
		Nói chuyện về giáo dục gia đình,	MAKARENKO	NXB Kim Đồng,	1971
		Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm, ,	Bùi Ngọc Oánh – Nguyễn Hữu Nghĩa – Triệu Xuân Quỳnh,	NXB ĐH Sư Phạm Tp.HCM	1996

		Bạn gi với hcu kỳ sinh học, Giáo dục đời sống gia đình,	Phạm Côn Sơn Nguyễn Đình Xuân,	NXB Đồng Nai, NXB ĐHQG Hà Nội,	1998 1997
27	Phương pháp dạy học	Giảng dạy theo tình huống, H.Russel Bernard, Bộ công an, ĐH An ninh nhân dân Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở phương tây,. Quan niệm và xu thế phát triển phương pháp dạy học trên thế giới, Các chiến lược để dạy học có hiệu quả, ,	Allan C. Ornstein & Thomas J. Lasley	Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội Hà Nội Tài liệu tham khảo nội bộ.	1995 2001
28		Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy (7 th Ed).. Existential Thought and Therapeutic Practice – An	Corey G. Cohn H. W.	California: Brooks/Cole – Thomson Learning London: Sage.	2005 1997

	Tư vấn tâm lý II	<p>Introduction to Existential Psychotherapy.</p> <p>Instructor's Resource Manual with Test Bank for Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy (7th Ed), Case Approach to Counseling and Psychotherapy (6th Ed), The Art of Integrative Counseling and CD-Rom for Integrative Counseling.</p> <p>Brief Cognitive Behaviour Therap. Rational Emotive Behavioral Counseling in Action (2nd Ed).</p>	<p>Corey G.</p> <p>Curwen B., Palmer S., Ruddell P.</p> <p>Dryden W.</p>	<p>California: Brooks/Cole – Thomson Learning.</p> <p>London: Sage</p> <p>London: Sage.</p>	<p>2005</p> <p>2000</p> <p>1999</p>
29		<p>Quảng cáo thoái vị và PR lên ngôi,</p> <p>Chiến tranh tiếp thị</p>	<p>Al Ries và Laura Ries, Vũ Tiến Phúc – Trần Ngọc Châu – Lý Xuân Thu biên dịch</p> <p>Al Ries và Jack Trout, Trịnh Diệu</p>	<p>Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>Nxb Văn hóa</p>	<p>2005</p> <p>2005</p>

	Quan hệ công chúng	Phá vỡ bí ẩn PR Quan hệ công chúng – Để người khác gọi ta là PR Nghề PR – Quan hệ công chúng Media Now PR hiệu quả	Thần biên dịch Frank Jefkins, Nguyễn Thị Phương Anh – Ngô Anh Thy biên dịch Hà Nam Khánh Giao Hội đồng biên tập từ sách hướng nghiệp Nhất Nghệ Tinh Josheph Straubhaar and Robert La Rose Moi Ali, Hoàng Ngọc Tuyền biên dịch	thông tin, Hà Nội Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh. Nxb Thống Kê Nxb Kim Đồng, TP. Hồ Chí Minh. Copy Right by Wadsworth Group Nxb Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh.	2004 2004 2004 2002 2006
30	Công tác Đoàn - Đội	Lí luận và phương pháp công tác Đoàn TNTP Hồ Chí Minh, Phương pháp giảng dạy bộ môn Công tác Đoàn, Điều lệ Đoàn TNTP Hồ Chí Minh, Nghị thức Đoàn TNTP Hồ Chí Minh,	Trần Như Tĩnh (Chủ biên), Bùi Sĩ Tụng, Phan Nguyên Thái Trần Như Tĩnh (Chủ biên), Bùi Sĩ Tụng, Phan Nguyên Thái	NXB Giáo dục, NXB Giáo dục NXB Thanh niên, NXB Thanh niên,	1998. 2000. 2008 2008

		Cẩm nang cho người phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh,	Bùi Sĩ Tụng (Chủ biên), Phạm Đình Nghiệp, Phan Nguyên Thái	NXB Giáo dục,	2006.
31	Trắc nghiệm khách quan	. Đo lường và đánh giá kết quả học tập. Giáo trình dùng cho SV trường ĐH Sư phạm TP HCM	Lý Minh Tiên và nhiều tác giả	Lưu hành nội bộ.	2004
		3. Quentin Stodola, Ph.D. and Kalmer Stordahl, Ph.D. Basic Educational Tests and Measurement. Royal Melbourne Institute of Technology, Victoria	Nguyễn Phụng Hoàng, Ph.D. và Nguyễn Ngọc Lan, Cao học	Nhà XB Giáo Dục,	1997.
		Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.	Dương Thiệu Tống, Ed.D	Trường Đại học Tổng hợp TP HCM	1995
		Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (phương pháp thực hành), Tập 1: Trắc nghiệm chuẩn mục. Bộ Giáo Dục và Đào tạo,			

32	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Phương tiện dạy học, Technology for teaching.	Tô Xuân Giáp,	NXB Giáo dục,	2001.
		Cindy, Integrating technology for meaningful learning,	Norton, Priscilla & Sprague, Debra	Allyn & Bacon	2001.
		Integratin Educational Technology into teaching,	Grabe, Mark and Grabe	Houghton Mifflin Co.,	2001.
		Bi giảng “Công nghệ dạy học”,	Roblyer, M.D. – Edwards, Jack,	Second Edition, Prentice-Hall,	2000
			Th.S Nguyễn Duy Mộng Hà	tài liệu sử dụng nội bộ,	2006
33	Công tác xã hội	Công Tác Xã Hội Cá Nhân. TP. Hồ Chí Minh.	An, L.C.	Đại Học Mở & Bán Công California, Brooks/Cole Publishing Company	2006
		Social Work Processes, 6 th ed.	Compton, B. R. & Galaway, B.	Quezon City, New Day Publishers.	1999
		Introduction to Social Work.	Leonora Serafica-De Guzman	Revised ed.	1992
		Social Welfare and Social Work.	Mendoza, T. L.		2002

		The Foundation of Social Work Practice.	Meyer, C. H. & Mattaini M. A.	Philippines: Megabooks Company . Washington, DC. NASW Press	1996
34	Giáo dục so sánh	Tổng quan về giáo dục Châu Á (Tổng luận phân tích)	Ngô Hào Hiệp		1994
		Giáo dục quốc tế - một vài tư liệu và so sánh,	Phạm Lan Hương	NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2006
		Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI, Comparative Education-Exploring Issues in International context, Upper Saddle River	Phạm Minh Hạc Patricia K.Kubow-Paul R. Fossum	NXB Chính trị Quốc gia , New Jersey Columbus.	2002
35		Tập bài giảng tóm tắt Tài liệu đọc thêm :			

	Tâm lý học lao động	<ul style="list-style-type: none"> • Tâm sinh lý lao động và kỹ thuật • Tâm lý học kỹ thuật • Ergonomi • Tổ chức lao động khoa học 			
	Tâm lý học tuyên truyền				
36	Tư vấn học đường	<p>Counseling in Schools - Essential Services and Comprehensive Programs</p> <p>The School Counselor as Consultant - An Intergrated Model fro School-Based Consultation.</p> <p>Theory and Practice of Group Counseling (5th Ed). California: Wadsworth,.</p>	<p>Schmidt, J. J.</p> <p>Parsons, R. D., Kahn W. J</p> <p>Corey, G.</p>	<p>. Pearson Education</p> <p>Thomson</p> <p>Thomson Learning</p>	<p>2003</p> <p>2005</p> <p>2000</p>

		Helping At-Risk Students – A Group Counseling Approach for Grade 6-9.	Waterman, J., Walker, E.	New York: Guilford	2001
37	Kinh tế học giáo dục	Kinh tế học giáo dục	Lê Sơn & Đặng Quốc Bảo	Hội Tâm lý giáo dục học Việt Nam, Tp.HCM	1995
		Nguyên lý kinh tế học	Mankiw. N. Gregory		2003
38	Xã hội học giáo dục	Handbook of Sociologie de l'Education	Hallinan M. Ed Cacouault M., Oeuvrard F	New York Paris, Editions La Découverte	2006 1995
		<i>Sociologie de l'Education</i> <i>Sociologie de l'Ecole</i>	Duru-Bellat M., Henriot-van Zanten A	Paris, Armand Colin	1992
		Social capital in the creation of human capital	Coleman, J,	<i>American Journal of Sociology</i> , 94, 95-120	1988

39	<p>Giáo dục suốt đời</p> <p>Đề cương chi tiết bài giảng <i>Giáo dục suốt đời</i></p> <p>Lifelong Learning</p> <p>tài liệu môn học Giáo dục suốt đời</p>	<p>ThS. Nguyễn Duy Mộng Hà</p> <p>European Commission</p> <p>TS. Đoàn Huệ Dung</p>	<p>Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM,</p>	<p>2007.</p> <p>2001</p> <p>2006</p>	
	<p>Thanh tra giáo dục</p> <p>Tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của một số nước trên thế giới</p> <p>Những vấn đề cốt yếu của quản lý</p>	<p>Nguyễn Văn Kim</p> <p>Harold Koontz, Cyril O'donnel, Heinz Weihrich</p>	<p>NXB Chính trị quốc gia</p> <p>NXB Khoa học và Kỹ thuật</p>	<p>2001</p> <p>1998</p>	

40	Quản lý trường học	Giáo trình Quản lý trường học	Thạc sĩ Nguyễn Minh Sơn		
		Hỏi đáp Giáo Dục Học	Nguyễn Ngọc Bảo – Bùi Văn Quân	Đại Học Sư Phạm	2006
		Hội thảo quản lý giáo dục những thập niên đầu của thế kỷ 21	Trung tâm đào tạo khu vực của Seameo tại Việt Nam		
		Luật Giáo Dục 2005			
41	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Quản trò nguồn nhân lực	TS .Trần Kim Dung	Giaoù dục	2006
		Quản trò nhân sự	TS Nguyễn Thanh Hoài	Thoáng kê	2002
		Giáo trình nguồn nhân lực	PGS. TS Nguyễn Tiếp	Lao Nõang – Xaõ hoãi	2005
		Human resource management - Essential perspectives	Mathis and Jackson	South – Western	2005

42	Quản lý tài chính ngân sách giáo dục.	Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước mới, ban hành kèm Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC	Bộ trưởng Bộ Tài chính	Tài chính	2008
		Lý thuyết tài chính	Bộ Tài chính	Tài chính	2008
		Tài chính hành chính sự nghiệp	Bộ Tài chính	Tài chính	2008
43	Marketing trong giáo dục	Marketing	Traàn Minh Ñãio..	Thoáng kê, Haø Noãi	2006
		Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam.	Phạm Phụ	Đại học Quốc gia Tp.HCM.	2005
		Educational Markerting and the Public School: Policies, Practices and Problems	Hanson. E. M.	University of California	1991
44	Tổ chức và quản lý các lực lượng GD.	Giáo dục gia đình	Bộ GD-ĐT	Giáo dục	1999
		Tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục	Huỳnh Công Minh	tài liệu lưu hành nội bộ	2003

		Tổ chức hoạt động giáo dục	Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng	Giáo dục, Hà Nội	1995
		Tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục	Nguyễn Minh Sơn	Tài liệu lưu hành nội bộ	2003
		Parents as partners in Education: families & school working together	Eugenia Hepworth Berger	Prentice – Hall Inc	1995
45	Đánh giá chất lượng giáo dục.	Chính sách giáo dục Đại học: cải tiến và chịu trách nhiệm xã hội.	I. Vroeijenstijn		1995
		Bộ Giáo dục và Đào tạo Tự Đánh Giá Trong Kiểm Định Chất Lượng Giáo Dục Đại Học.			2006
46	Quản lý dự án giáo dục.	Các kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án giáo dục			
		Quản lý dự án lớn và nhỏ - Cẩm nang kinh doanh	Harvard Business Essentials Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu (dịch)	Tổng hợp TP.HCM	
		Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	PGS. TS. Phước Minh Hiệp Th.S. Lê Thị Vân Đan		

		Project Management – The Managerial Process, Third Edition	Clifford F. Gray, Erik W. Larson		
47	Chính sách và chiến lược giáo dục	Larson Lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược giáo dục và đào tạo	Viện nghiên cứu phát triển giáo dục	Kỷ yếu hội thảo	1997
		Quản lý chiến lược kế hoạch trong các trường đại học và cao đẳng	Phạm Thành Nghị	Giáo dục.	2000
		Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam	Phạm Phú	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2005
48	Lãnh đạo và quản lý giáo dục.	Quản Trị Học	Liên Diệp, N.T	Thống kê	1997
		Quản Lý Giáo Dục và Đào Tạo	Châu, N.P	Hà Nội - Học viện QLGD.	2008

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIẢI TRÌNH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

12.1. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(1) Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Tâm lý Giáo dục với loại hình đào tạo chính quy được xây dựng căn cứ vào mục tiêu đào tạo, kết quả khảo sát trên cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động, điều kiện thực tế của khoa Giáo dục và của Nhà trường. Bên cạnh những môn chuyên ngành bắt buộc, các môn tự chọn được xây dựng theo các hướng: nghiên cứu, giảng dạy, tham vấn tâm lý - giáo dục,... nhằm giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp, trang bị kiến thức và kỹ năng phù hợp với ngành nghề tương lai.

(2) Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp toàn khoá học 4 năm là **146 - 148 Tín chỉ, được phân bố trong 8 học kỳ chính thức và các học kỳ hè.**

(3) Quy trình đào tạo theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và của Nhà trường.

(4) Chương trình này **áp dụng cho khóa đào tạo năm 2014 ở khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; áp dụng toàn bộ chương trình từ khoá 2015 về sau.**

12.2. GIẢI TRÌNH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH TÂM LÝ GIÁO DỤC

(1) **Các môn bổ sung** của Khoa đáp ứng nhu cầu mới của nhà sử dụng lao động, bổ sung các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV phù hợp mới mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT mới, đặc biệt là kiến thức cơ bản của ngành và liên ngành, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập, kiến tập: các môn như *Tham quan thực tế, Kiến tập nghề nghiệp, Triết học đại cương, Tâm lý học truyền thông, ...*

(2) **Các môn điều chỉnh lại tên gọi, điều chỉnh lại số tín chỉ** cho phù hợp với tính chất của môn học trong tương quan chung với các môn học khác trong chương trình đào tạo, vừa mang tính chính xác vừa có thể liên thông trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành Tâm lý giáo dục sau này, đáp ứng khả năng chuyển đổi được trong nội bộ các ngành học của trường cũng như của hệ thống Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: chẳng hạn như môn *Giáo dục học so sánh* đổi tên thành môn **Giáo dục so sánh** từ 2TC lên 3TC; môn *Luật giáo dục - Luật lao động* thành môn **Cơ sở pháp lý trong**

hoạt động giáo dục; đổi từ tên môn học cũ là Tâm lý giao tiếp thành ***Tâm lý học giao tiếp*** cho chính xác tên gọi về mặt khoa học;...

(3) **Các môn mới bổ sung trong khối kiến thức tự chọn từ các ngành học khác** trong và ngoài trường thuộc hệ thống Đại học Quốc gia TP.HCM nhằm tăng cơ hội lựa chọn theo nhu cầu, nguyện vọng và sở thích của SV cũng như gia tăng cơ hội việc làm sau khi SV tốt nghiệp: *Tâm lý học lao động*; *Tâm lý học tuyên truyền*; *Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test*; *Tham vấn học đường*; *Tham vấn hướng nghiệp*; ...

(4) **Một số môn ghép lại từ các môn khác nhau** để đảm bảo tính trọn vẹn của tri thức và giảm bớt số tín chỉ: chẳng hạn như môn *Tâm lý học trẻ khuyết tật* và *Giáo dục trẻ khuyết tật* ghép lại thành môn ***Giáo dục đặc biệt***; *Lịch sử giáo dục Việt Nam* và *Lịch sử giáo dục thế giới* ghép lại thành môn ***Lịch sử giáo dục***...

TRƯỞNG KHOA GIÁO DỤC

HIỆU TRƯỞNG